

NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC BÁT NHẢ BA LA MẬT ĐA KINH SỚ

QUYỂN TRUNG

PHẦN 2

Kinh:

*Bồ-tát Thập thiện phát đại tâm
Trường biệt Tam khổ giới biến khổ luân
Thiện Phẩm trung hạ Túc tán vương.
Thập Thiện Thượng phẩm Thiết luân vương.*

Giải thích: “Thập Thiện”: Như phần sau nói: Vị Thập Thiện này trải qua mười ngàn kiếp mới nhập Phục nhĩn, vì đó là phương tiện của nhĩn.

“Phát Đại tâm”: Các đối tượng hóa độ, đoạn trừ tu tập, hướng đến đều là lớn, nên gọi là phát đại tâm

“Trường biệt Tba cõi”: Trước khi phát đại tâm, gồm có hai loại; một là thẳng đến, hai là hồi tâm. Nếu trước phát tâm tức thì, tất phải kiên, mãnh, tuy chưa đoạn dứt Hoặc nhưng chắc sẽ vượt qua, gọi là thẳng đến. Hồi tâm tức sau đó mới ngộ dần. Quả Hữu học và vô học của Nhị thừa nơi Thánh đạo đoạn trừ chướng, gọi là Trường biệt.

“Biến khổ luân”: Khổ chung cả ba cõi, gọi là ba khổ, vì nương theo khổ, lạc, xả mà lập thành khổ. Tới lúc không ngừng, xoay tròn như bánh xe luân, thẳng trầm chìm nổi, sâu lớn như biển.

“Thiện phẩm trung hạ”: Tu thập thiện đã lâu ngày, ngôi vị đầu tiên, giữa. sau cùng, thành là Hạ, Trung, Thượng. Trung phẩm và Hạ phẩm thì làm Túc Tán Vương tức vua nhỏ, nhiều như hạt thóc vụn. Theo thí dụ mà đặt tên gọi. Nếu người đạt Thượng Phẩm thì làm Thiết Luân vương.

Từ đây là phần ba - nói về vị Tam Hiền.

Kinh:

*Tập chủng đồng luân hai thiên hạ
Tính chủng tính ngân luân tam thiên,
Đạo Phẩm đức vững, Chuyển luân vương
Bảy báu Kim luân bốn Thiên hạ.*

Giải thích: Bồ-tát Thập trụ làm Đồng Luân Vương. Thập hạnh làm Ngân Luân. Mười Hồi hưởng vị làm Kim Luân vương. Nhưng bốn Luân vương về cảnh hóa khác nhau: một châu, hai châu, ba châu, bốn châu khác nhau. Cho nên Luận Thuận Chánh Lý nói: Tuổi thọ của những người ở châu này là vô lượng, cho đến tám vạn tuổi có Chuyển Luân vương sinh ra. Khi hết tám vạn, hữu tình vui giàu, thọ lượng bị tổn giảm, các điều ác càng lúc càng nhiều, không còn khí chất đại nhân, cho nên không có Luân vương. Vị vương này do Luân xoay chuyển nên dẫn dắt, oai đức chế phục tất cả, gọi là chuyển Luân vương. Kim, Ngân, Đồng, Thiết Luân nên khác. Nếu Vương sinh ra ở chủng tộc Sát-đế-lợi thì quán Đảnh nối ngôi, thọ trai giới trong mười lăm ngày, lúc ấy mới tắm rửa thân đầu, thọ thăng trai giới thù thăng. Ngôi trên đài cao nơi điện vua có các vị đại thần phụ tá. Phương Đông bồng có Kim Luân báu hiện ra. Còn các Chuyển Luân vương khác nên biết cũng vậy. Luân vương như Phật không có hai vị cùng sanh. Tất cả Luân vương đều không ai có thể làm tổn thương mà đều khiến cho mọi loài khát phục dưới mình, an vui mà sống. Đồng thời khuyên bảo hưởng dẫn cho mọi người tu thập thiện nghiệp đạo.

“Thất bảo”: là bảo thứ sáu: Xe, voi, ngựa, Châu ngọc, nữ nhân, Quan giữ kho tàng và quan chủ việc binh. Ngựa voi v.v... là thuộc về hữu tình. Châu ngọc và xe là thuộc về phi tình. Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ lại nói Thất bảo là: Kiếm, da, giường, rừng, cung điện, áo quần, giày dép. Những báu này đều do tu tập thiện căn không sâu hận mà chiêu cảm được. Tất cả những oai đức và phong hóa của Vương, đã nói rõ trong kinh Chánh Pháp Niệm Xứ và kinh Khởi Thế.

Dưới đây là phần hai: Nói chung về Phục nhĩn. Trong đó chia làm ba phần: 1. Nói chung về Thánh thai.

Kinh:

*Phục nhĩn Thánh thai ba mươi người
Mười trụ, mười hạnh, Mười Hồi hưởng
Ba đời chư Phật học trong ấy.
Đều từ Phục Nhĩn này sinh ra.*

Giải thích: Người trụ nơi Phục Nhẫn gọi là Thánh thai, vì chư Phật ba đời đều từ đó sinh ra.

Tiếp theo là phần hai - Nói về khó đắc nhập.

Kinh:

*Căn bản hạnh tất cả Bồ-tát
Do đó phát tâm tín tâm khó
Nếu đắc tín tâm ắt chẳng thoái.
Tiến vào đạo vô sinh Sơ địa.*

Giải thích: “Căn bản Hạnh tất cả Bồ-tát...” Đây là nói về gốc hạnh của Bồ-tát nhập kiếp, tức là tâm mười Tín. tâm này rất khó phát, như phần trước Kinh nói: Có hằng hà sa người thấy Phật Pháp Tăng, nhưng số người đắc nhập Tín thì rất ít. Nếu đắc mười tín, đến tâm thứ sáu thì bất thối, là Tín không bị thối lùi, vì chắc chắn sẽ chứng được vô sinh, đạt đến Sơ địa. Tuy trước bảy trụ còn là Nhị thừa, nhưng không lâu chắc chắn sẽ đạt đến.

Lại có giải thích: Nếu người đắc được tâm tín, tức tâm mười tín thì người ấy ắt chẳng thoái chuyển. Ngồi vị thứ bảy trong mười trụ chẳng thoái chuyển, ngồi vị trước đó thì còn bị thoái chuyển. Như Kinh Anh Lạc nói; Tịnh Mục Thiên tử, Pháp Tài Vương tử, Xá lợi phát... muốn nhập ngôi vị thứ bảy, nhưng gặp duyên mà thối lùi.

Tiếp đến là phần ba - Kết danh biện tướng.

Kinh:

*Hóa độ lợi mình, người bình đẳng
Gọi là Bồ-tát mới phát tâm.*

Giải thích: Hóa độ lợi mình người; là nói về tướng phát tâm. Hoặc lúc ấy Bồ-tát quán người khác như mình, đắc tâm bình đẳng mà tu hai lợi, thì mới gọi là tướng Bồ-tát mới phát tâm, nhập vào trụ thứ nhất.

Phần nói về phục nhẫn đã xong. Sau đây là phần hai - Có năm kệ rưỡi, nói rộng về Tín nhẫn. Trong đó có hai phần: 1. Nói riêng về ba Địa; 2. Tổng kết về đoạn chương.

Phần một - Nói về ba Địa. Văn chia làm ba:

- Nói về Hạ nhẫn. Văn lại chia làm ba. 1. Hoan hỷ Địa.

Kinh:

*Bồ-tát Hoan hỷ Chuyển Luân vương
Sơ chiếu lý hai đế bình đẳng
Quyền hóa hữu tình du trăm cõi
Đàn thí thanh tịnh lợi mọi loài.*

Giải thích: “Hoan hỷ...”: Là nêu tên của Trụ Địa, nói về vương vị.

“Sơ chiếu lý hai đế bình đẳng” nghĩa là: đây bắt đầu chứng bình đẳng Chân như đoạn dứt sự phân biệt.

“Quyền hóa hữu tình”: Hoặc là vua là Phật quyền biến ứng hiện hóa thân.

“Đi trăm cõi”: là nói về cảnh hóa độ

“Đàn độ thanh tịnh”: là hạnh lợi sinh thù thắng

Tiếp theo là phần hai - Nói về Địa được mang tên.

Kinh:

Nhập lý Bát-nhã gọi là Trụ.

Trụ sinh đức hạnh gọi là Địa.

Giải thích: “Nhập” là chứng. “Bát-nhã” là vô phân biệt Trí chứng lý thật tướng, đều gọi là Bát-nhã. “Trụ”: chẳng động gọi là trụ, nghĩa của sự dựa nương, giữ lấy.

“Trụ sinh đức hạnh gọi là Địa”: Trí ngậm hợp với lý chơn thì có thể sinh hiển thành đức vô vi, công đức hữu vi nhờ vậy mà sinh, công đức vô vi nhân đó mà hiển rõ. Năm tướng hiển phát, hai nghĩa trụ, sinh, nên gọi là Địa, là Đạo Địa thứ mười. Như luận Duy Thức quyển chín nói: Địa thứ mười như vậy, gồm thân công đức hữu vi, vô vi, lấy đó làm tự tính, làm chỗ nương giữ tốt nhất cho những thứ mình tu hành, khiến được sinh trưởng, gọi đó là Địa.

Kế đến là phần ba - Sơ tâm đủ đức.

Kinh:

Một tâm Sơ trụ đủ các Đức

Ở trong thắng nghĩa nhưng chẳng động.

Giải thích: “Sơ trụ”: là kiến đạo chứng Như, gọi là Sơ trụ.

“Một tâm”: tức là một tâm kiến đạo chân thật.

“Đủ các đức”: Như phần trước kinh nói: đầy đủ tám vạn bốn ngàn đức.

“Ở trong Thắng nghĩa”: là Thanh thứ bảy nói về Cảnh. Nghĩa là Trí chứng chơn tịch nhưng chẳng động. Đây là mới nhập Địa, đến phần sau sẽ rõ. Tiếp sau là phần hai - Nói về nhãn Trung phẩm. Trong đó có hai phần: 1. Nói về Địa Ly cấu.

Kinh:

Bồ-tát Ly cấu Đạo lợi vương

Hiện hình sáu thú ngàn quốc độ

Giới độ thanh tịnh đều viên mãn.

Vĩnh viễn là các tội sai phạm.

Giải thích: Nêu tên của Địa, nơi ở của vương, cảnh hóa độ, tu

Hạnh thù thắng. Giới độ viên mãn là nói về lìa xa tội lỗi, vi tế nhỏ nhặt cũng không phạm. Tiếp theo là phần hai - Nói về trí của cảnh tu.

Kinh:

*Vô tướng vô duyên chơn thật tính
Vô thể, vô sinh, chiếu (rõ) không hai.*

Giải thích: Câu trên là nói về cảnh, vọng chấp Duyên Sinh và Viên Thành là khác nhau. Câu dưới là nói về Trí, thấu đạt cảnh ấy là không có “thể”, không có sinh chứng đặc lý “không hai”. Nói về Trí chiếu, hiểu rõ vô phân biệt, tuy năm nhãn có sự hơn kém khác nhau, nhưng xét về cảnh và trí đều theo đúng như vậy.

Sau đây là phần ba - Nêu Địa Phát quang.

Kinh:

*Bồ-tát Phát Quang Dạ Ma Vương
Ứng hình đến vạn cõi chư Phật
Giới thông đạt được Tam ma địa
Ẩn hiển tự tại đủ ba minh.*

Giải thích: Nêu về tên Địa, nói về chỗ ở của vương, cảnh của đối tượng được hóa, nói về Bồ-tát đặc định, những đức vốn đủ. “ẨnHiển”: là Năm Thông tự tại, có đủ Ba Minh, như đã nói trong phẩm Tựa. Tiếp đến là phần hai - Tổng kết về đoạn chương.

Kinh:

*Hoan hỷ, Ly cấu và phát quang
Diệt được các phiền não sắc buộc
Quán đủ tất cả Thân khẩu nghiệp
Phát tính thanh tịnh, chiếu đều trọn.*

Giải thích: Tóm kết ba Địa trên có thể đoạn dứt sắc buộc, nghĩa là tham v.v... như giải thích ở phần trước.

“Quán đủ tất cả Thân khẩu nghiệp”: là hiển bày lìa sắc buộc, Sắc nghiệp tự tại. “Pháp tính” là thật tính của sắc và tâm, tức là Trí chơn như chiếu viên mãn.

Dưới đây là phần ba - Có bốn kệ, nói về Thuận nhãn. Trong đó chia làm hai phần: 1. Nói riêng về ba Địa; 2. Tổng kết đoạn chương. Trong phần một - Nói về ba Địa, vẫn chia làm ba phần: 1. Địa Diệm tuệ.

Kinh:

*Bồ-tát diệm tuệ đại tinh tiến
Đổ Sứ Thiên vương đi ức cõi
Thật trí tịch diệt trí phương tiện*

Đạt lý vô sinh rõ “Hữu không”.

Giải thích: Nêu về tên Địa, tu hạnh thù thắng, chỗ ở của vương.

“Thật trí tịch diệt”: là Trí chứng Như. “Phương tiện Trí”: là Trí duyên sự, “Đạt lý vô Sinh”: tức chính là cảnh của chánh trí Chơn như.

“Rõ Không Hữu”: tức là cảnh của phương tiện lý sự. Tiếp theo là phần hai - Nêu Địa-nan-Thắng.

Kinh:

*Bồ-tát Nan thắng đắc bình đẳng
Hóa lạc Thiên vương trăm ức nước
Không không để quán Không hai Tướng
Hiện hình đều khắp cả sáu đường.*

Giải thích: Nêu về tên Địa, tu chánh quán, hai trí Chơn và Tục, hành tướng trái nhau, hợp lại khiến tướng ứng nhau, nên gọi là bình đẳng. Nói về chỗ ở của vua.

“Không không để quán”: là đầu tiên “Không” để hiển bày Như, sau đó “không” để dứt bỏ tướng. Hoặc nói là sắc tâm. Hoặc nói là ngã pháp. nghĩa là trong Địa này, lý và sự hợp chiếu, cho nên gọi là để quán.

“Không hai tướng”: là có thể hợp cái khó hợp khiến cho tướng ứng, không có hai Tướng.

“Hiện hình...”: là nói về cảnh của đối tượng hóa độ.

Sau đây là phần ba - Nêu Địa Hiện tiền.

Kinh:

*Bồ-tát Hiện Tiền Tự Tại vương
Thấy rõ tướng duyên sinh tướng không hai
Trí Quang thắng nghĩa thường đầy khắp
Đến ngàn ức cõi độ chúng sanh.*

Giải thích: Nêu về tên Địa, nói về chỗ ở của vua.

“Chiếu kiến duyên sinh”: Trí thường chiếu giải tướng mười hai duyên sinh là không hai.

“Trí-quang-thắng-nghĩa”: Trí duyên theo Thắng nghĩa gọi là Trí Thắng nghĩa. Trí có thể chiếu lý, nên gọi là Quang. Thấy hiểu rõ giải Thể viên mãn, nên gọi là đầy khắp. “Đến ngàn ức cõi”: là nói về đối tượng hóa độ. Tiếp đến là phần hai - Tổng kết về đoạn chương.

Kinh:

*Địa Diệm tuệ, nam thắng, hiện tiền
Thường đoạn ba chương tâm mê hoặc
Tuệ “không” vắng lặng vô duyên quán*

Soi lại chiếu tâm Không vô lượng cảnh.

Giải thích: tóm kể ba Địa trên. “Thường đoạn ba chương tâm mê hoặc”: là ba loại chương ngại sự thấy biết... vừa nói. Nói “Tuệ Không” là kết về thật trí. Nói “vắng lặng” là kết về Bình Đẳng. “Vô duyên quán” là kết về sự thấy rõ tướng duyên sinh là không hai.”Soi lại tâm không”: là chương ngại của bản thân đã đoạn thấy rõ như của địa mình. Đức của Trí, như lớn, nên gọi là vô lượng. Dưới đây là phần bốn - có hai kệ rưỡi, nói về Địa Viễn hành, trong đó chia làm ba phần: 1- Nêu Địa Viễn hành.

Kinh:

*Bồ-tát Viễn hành, Sơ Thiên vương
Trụ ở vô tướng, vô sinh nhãn
Phương tiện thiện xảo đều bình đẳng
Thường độ sinh ở vạn ức cõi.*

Giải thích: Nêu về tên gọi của Địa. Nói về chỗ ở của vương. “Vô tướng vô sinh nhãn”: Bồ-tát Địa này thuần là quán vô tướng. Ý nói Trí vô tướng chứng nhãn vô sinh.

“Phương tiện thiện xảo”: là nói về tu hạnh thù thắng thù thắng, cứu độ làm lợi cho hữu tình thấy đều bình đẳng.

“Thường độ...”: là nói về cảnh của đối tượng giáo hóa
Tiếp theo là phần hai - vượt khỏi phần đoạn

Kinh:

*Tiến vào Địa dòng pháp chẳng động
Vượt qua Hữu, không còn phần đoạn.*

Giải thích: Bồ-tát Địa này tất ắt có thể tiến vào dòng pháp Địa chẳng động sau này.

“Không còn phần đoạn”: từ Địa này trở về trước còn có phần đoạn, thọ sinh trong ba cõi. Nay trong Địa này, công dụng phần đoạn đã đến biên hạn rốt cùng.

“Vượt các Hữu”: là Định vô lậu và Nguyên vô lậu trợ giúp cho Thân thù thắng kia, khiến quả báo chiêu cảm, dần dần tăng tướng, cho đến ngôi vị Đẳng giác, thọ Biến dịch sinh, vượt qua ba hữu.

Tiếp đến là phần ba: Nói về đoạn chương.

Kinh:

*Thường quán Thắng nghĩa, chiếu không hai
Hai mươi một sinh, hành không tịch
Thuận Đạo pháp ái vô minh tập
Chỉ Đại sĩ Viễn hành, thường đoạn*

Giải thích: “Thường quán”: là quán không gián đoạn. “Thắng nghĩa”: là nói sở chứng của địa. “Chiếu không hai”: là song chiếu chơn và tục, không có hai khác.

“Hai mươi một sinh”: là các bậc Thánh kinh sinh. Mỗi Địa có ba sinh. Nay ở đây là Địa thứ bảy, trải qua hai mươi một sinh. Trí đều chiếu Như gọi là “hành không tịch”. Lý thật trụ Địa thì có hai mươi sinh, địa này ắt sẽ đạt được lần sinh rốt cùng.

“Thuận đạo pháp ái”: là ái pháp Thiện. Trong Luận Bà-sa gọi là Thiện pháp dục (mong muốn pháp thiện). Luận Trí Độ nói: Đánh vị chưa điều phục thuận đạo pháp ái, không thể gọi là vị Đoạn.

“Đoạn” nói ở đây, nghĩa là sáu Địa trước có định, tán. Vị tán thì khởi ái. Nay nhập Địa này, tuy có gia hạnh, nhưng nhờ kết chặt vô tướng nên tương tục hiện tiền, nên không có phân tán, vui cầu vĩnh viễn không có ái.

“Vô minh tập”: Như phần sau kinh nói: “Đoạn các nghiệp quả, Tướng hiện hành vi tế”. Các nghiệp quả là phần đoạn sinh; tế hiện hành vi tế là sở tri chướng. Chấp tướng vi tế hiện hành và có sinh diệt làm chướng ngại đạo vô tướng vi diệu của Địa này. Thể của sở tri chướng tức là vô minh, bao gồm ái của các Địa trước, khi nhập Địa này thì đều được đoạn dứt. Cho nên kệ nói: Chỉ “Đại sĩ viễn hành đoạn”. Địa thứ bảy, thứ tám, thứ chín trong phần văn xuôi nêu trước là đều đạt vô sinh nhãn, hợp thành một văn nói đoạn tập của sắc, tâm, ở đây thì kết riêng: Vĩnh viễn không có pháp ái vượt qua phần sinh, biên hạn rốt cuối của công dụng; pháp ái đủ cả ba nghĩa ấy, nên đó là kết riêng.

Dưới đây là phần năm, có năm kệ, nói về ba Địa sau, trong đó chia làm hai: 1. Nói riêng về ba Địa; 2. Nói chung về đoạn chướng. Phần một - Nói riêng về ba Địa, văn chia làm ba: 1- Địa chẳng động, văn lại chia làm hai: 1. Nói về Địa chẳng động.

Kinh:

*Bồ-tát chẳng động Nhị thiên vương
Đắc thân biến dịch thường tự tại
Luôn ở trăm vạn cõi vi trần cõi
Tùy theo hình loại độ chúng sanh.*

Giải thích: Nói về Trung nhãn. Nêu tên của Địa, nói nơi ở của vương và sự được thân thù thắng. “Thường tự tại”: là Hiện tướng và cõi đều tự tại. Cảnh của đối tượng giáo hóa tùy theo loài mà hóa độ.

Tiếp theo là hai: Nói về thường chẳng động.

Kinh:

*Biết cả ba đời vô lượng kiếp
Với Đệ nhất nghĩa thường chẳng động.*

Giải thích: “Biết cả ba đời”: là nói về trí chiếu. “Vô lượng kiếp”: là biết vô lượng đời quá khứ và đời vị lai. “Với Đệ nhất nghĩa”: là Bồ-tát nơi địa này tuy thường chứng Như, nhưng song chiếu chơn, tục, thường chẳng động.

Tiếp theo là phần hai: Nói về Địa Thiện Tuệ.

Kinh:

*Bồ-tát Thiện tuệ Tam thiên vương
Một lúc hiện ở ngàn hằng côi
Thường hành không tịch tại vô vi
Một niệm hiểu hằng sa Phật tạng.*

Giải thích: Nói về Thượng nhân. Nêu tên của Địa, nơi ở của vương, cảnh tượng giáo hóa, và tu chỉ quán. Trí thường chứng Như, Chơn và Tục bình đẳng vì đều là không tịch.

“Hằng sa Phật tạng”: là nói về có đủ các đức. Các giáo lý lưu xuất ra từ hằng sa chư Phật. Bồ-tát nơi địa này với bốn vô ngại giải ở trong một niệm đều có thể hiểu rõ.

Tiếp đến là phần ba - Nói về Địa Pháp Vân, trong đó có hai phần:
1. Nêu Địa Pháp Vân.

Kinh:

*Bồ-tát Pháp vân Tứ thiên vương
Ở ức hằng côi động chúng sinh
Mới nhập Kim cang hết thấy rõ
Vĩnh viễn qua hai mươi chín sinh.*

Giải thích: Đây là Hạ phẩm trong Tịch diệt nhân. Nêu về tên của Địa, chỗ ở của vương, cảnh của đối tượng giáo hóa. “Mới nhập Kim cang”: là Định thù thắng cuối cùng. Mới là bắt đầu. Nhập là chứng tâm cuối cùng của Địa này khởi định Kim cang. Khởi đầu Đạo vô gián chứng lý, hiện tiền hoặc chướng vĩnh viễn không có. Thấu hiểu tột cùng gọi là hết thấy rõ. Vị Đăng giác này thu trong Địa Pháp vân.

Sau đây là phần hai - Nói về nhân Hạ phẩm.

Kinh:

*Nhân Quán hạ trong nhân Tịch diệt
Nhất Chuyển Diệu giác vô Đẳng Đẳng.*

Giải thích: Nêu tên của nhân, quán của hạ nhân. Nói “Một chuyển”: là nói về ngôi vị của nhân. Ngôi vị vô gián này chuyển thành giải thoát gọi là một chuyển, tức gọi là quả Phật Diệu giác viên mãn.

“Vô đẳng đẳng”: Là nếu Sát-na trước dùng Nhân để so với Quả gọi là vô đẳng. Đến ngôi vị giải thoát, đạo bình đẳng với chư Phật thì gọi là Đẳng. Vị Hạ nhân này nói rõ đang chuyển. Tiếp theo là phần hai: Nói chung về đoạn chướng.

Kinh:

*Địa chẳng động, Thiện tuệ, Pháp vân
Trừ tất cả vô minh tập trước
Tướng vô minh tập thức đều chuyển
Lý Nhị đế viên mãn trọn hết.*

Giải thích: Nêu ba Địa trên.

“Trừ tất cả vô minh tập trước”: là sở tri chướng. Ngoài bảy Địa trước, mỗi Địa đều trị một phần chướng sắc tâm ra, còn lại là chướng tế, ở trong ba Địa, mỗi địa đều đoạn dứt mỗi phần.

“Tướng vô minh tập thức đều chuyển”: nghĩa là loại phiền não chướng do tu đoạn và toàn bộ vô minh có ở Địa thứ bảy, những thứ vi tế đó, khi đạt đến ngôi vị Đẳng giác, do cùng hiện hành với thức, nên gọi là đều chuyển. Như Luận Khởi Tín nói: Vô minh căn bản cùng hiện hành với nghiệp thức, gọi là chuyển xả.

“Lý Nhị đế viên mãn trọn hết”: là nói về ngôi vị Đẳng giác. Hiểu rõ (chiếu giải) về “Thế” viên mãn những thứ cần đoạn cần bỏ không còn gì nữa.

Dưới đây là phần sáu - có một kệ rưỡi, nói về Ngôi vị Chánh giác. Trong đó chia làm hai phần: 1. Chánh giác viên mãn:

Kinh:

*Chánh giác vô tướng khắp pháp giới
Hết ba mươi sinh, trí viên minh.*

Giải thích: Tiếng Phạm gọi là Tam Bồ-đề, tiếng Hoa gọi là Chánh giác. “Vô tướng”: Là chủ thể chứng và đối tượng được chứng đều vô tướng.

“Khắp pháp giới”: Hằng sa công đức, mỗi một công đức đều vô biên, cho đến đầu sợi lông cũng đều hiện bày khắp pháp giới.

“Hết ba mươi sinh”: là vượt qua Địa thứ mười, những sinh kia đều đã hết. “Trí Viên Minh”: là Trí viên mãn tột cùng.

Tiếp theo là phần hai - Nói về Phật có đủ các đức

Kinh:

*Tịch chiếu vô vi chân giải thoát
Đại bi ứng hiện không ai bằng
Trong lặng, chẳng động thường an ổn*

Quang minh chiếu khắp mà không chiếu.

Giải thích: Nói “Tịch chiếu”: là Trí, đức viên mãn.

“Vô vi chơn giải thoát”: là nói Đoạn đức viên mãn.

“Đại Bi ứng hiện”: là nói về Ân Đức tròn vẹn

“Không ai bằng”: là đức viên mãn không ai sanh bằng.

“Trong lắng chẳng động”: là nói Trí Ân Đức. Do nguyện lực đại bi lợi Tha của Phật mà ứng hiện thân lớn hay nhỏ, nhiều loài. Động mà thường tịch, nên gọi là trong lắng, tuy thị hiện đến và đi nhưng thể thường chẳng động.

Nói “An ổn”: là thị hiện để giáo Hóa Như Đức Phật thị hiện ăn lúa mạch của Ngựa và thị hiện bị chảy máu, nhưng thân tâm chưa từng dao động, vẫn thường an ổn.

“Quang Minh chiếu khắp”: Là thể của Ân đức như hạt châu ma ni trong sạch. Thể hiện hữu khắp cả pháp giới, chiếu nhưng không chiếu.

Tiếp, đoạn văn lớn thứ hai, kết về nhân Quả nêu trước.

Kinh:

Ba Hiền mười Thánh, trụ quả báo

Chỉ một mình Phật ở Tịnh độ

Tất cả hữu tình đều tạm trụ

Lên nguồn Kim cang thường chẳng động.

Giải thích: “Ba Hiền mười Thánh trụ quả báo”: Là dựa theo Người (Nhân) mà nói, dựa theo hai loại sinh tử là phần đoạn và biến dịch, như thân hoặc là độ (cõi), theo nhân mà chiêu cảm quả, trụ nơi quả báo.

“Chỉ một mình Phật ở tịnh độ”: Như Lai còn gọi là Bạc giác ngộ vô Thượng. Thân trụ ở đâu thì ở đó đều là Tịnh độ.

“Tất cả hữu Tình đều tạm trụ”: là nói dựa theo pháp. Chưa đến vị Đẳng giác, thì Hiền hay Thánh đều trụ nơi hữu vi sinh diệt, Sát-na không dừng. Nếu chứng Như cũng là tạm trụ.

“Lên nguồn Kim cang thường chẳng động”: Đây có hai nghĩa: Có thuyết nói: Quả Phật là ngôi vị Chân giải thoát. Trí thường chứng như. Trí như bình đẳng nên gọi là chẳng động. An nhiên tương tục đều đủ, gọi là Thường. Có thuyết nói: Quả Phật sau Định Kim cang, chứng nguồn tịch diệt thì thân trí an nhiên thường chẳng động.

Dưới đây là phần hai, có hai kệ rưỡi, tán thán tâm bi sâu xa của đức Phật. Trong đó có ba phần. Đây là phần một: tán thán chung tâm bi sâu xa.

Kinh:

Ba nghiệp Như Lai đức vô lượng

Tùy thuận chúng sanh thương như nhau.

Giải thích: Tán thán chung đức hạnh nghiệp của Phật thì vô lượng.

“Tùy thuận chúng sanh thương như nhau” tán thán tâm bi sâu xa của Phật. Tâm bi của Phật rộng lớn, thương xót chúng sinh bình đẳng tùy theo chủng tính của các chúng sanh mà chỉ bày vô thượng Thừa. Thật là tâm bi sâu xa!

Tiếp theo là phần hai - tán thán riêng về ba Nghiệp

Kinh:

*Pháp vương vô thượng cây trong người
Che khắp đại chúng sáng vô lượng
Miệng thường thuyết pháp chẳng vô nghĩa
Tâm Trí tịch diệt chiếu vô duyên.*

Giải thích: “Cây trong người”: Là nêu dụ để nói rõ, thán thân nghiệp của Phật như bóng mát trừ bỏ mọi phiền não nóng bức, ánh sáng có thể phá tan bóng tối.

“Miệng thường thuyết pháp”: là tán thán ngữ nghiệp, thuyết tức là thanh sâu rền như sấm, có đủ Phạm thanh.

“Chẳng vô nghĩa”: Ngoại đạo, phàm phu thuyết thì có chữ nhưng không có nghĩa. Nhị Thừa thì kém hẹp, Bồ-tát thì chưa được trọn vẹn, chỉ những điều Phật thuyết giảng thì có chữ có nghĩa, đều viên mãn.

“Tâm trí tịch diệt”: là tán thán chánh Trí. Vì trí ngậm hợp với chơn Lý thường tịch diệt.

“Chiếu vô duyên”: là tán về nghiệp dụng, ngậm hợp với chơn trí mà khởi hóa, đều là vô tướng, chiếu mà không chiếu, hóa nhưng không hóa. Tiếp sau là phần ba - tán thán về thuyết giảng sâu xa.

Kinh:

*Sư tử trong cõi người diễn thuyết
Câu nghĩa sâu xa chưa từng có
Trần sa cõi nước đều chấn động
Đại chúng hoan hỷ thấy được ích.*

Giải thích: “Sư tử trong cõi người”: Sư tử cất tiếng thì trăm thú đều ẩ núp, dụ cho Như lai diễn thuyết thì các mây chướng đều tiêu tan.

“Diễn Thuyết”: là tán thán về năm nhãn.

“Câu nghĩa...”: Nhị thừa không đo lường được, cho nên nói là hết mực sâu xa, chưa từng có vì nhiều kiếp khó nghe được.

“Trần sa...” Nhờ oai lực của pháp mà nghe được những điều chưa được nghe, trầm sa cõi nước đều chấn động.

“Đại chúng...” Đại chúng nghe pháp hiểu mà hoan hỷ, phàm và Thánh đều được ích lợi, có đủ các đức đó cho nên tán thán tâm bi thâm diệu.

Sau đây là phần ba: kết tán thán kính lễ.

Kinh.

Thế Tôn khéo thuyết mười bốn vương

Do đó con nay đầu mặt lễ.

Giải thích: Văn dễ hiểu có thể biết được. Đây là kết về phần tán thán.

Dưới đây là phần ba - Nghe pháp được lợi ích.

Kinh: Bảy giờ, trăm vạn ức hàng hà sa đại chúng nghe đức Phật Thế Tôn và vua Ba tư mặc thuyết về vô lượng công đức của mười bốn nhân, được đại pháp lợi, nghe pháp ngộ hiểu, đắc vô sinh pháp nhân, nhập ở chánh vị.

Giải thích: “Vô sinh nhân”: là tùy theo với những thứ nó ứng hợp,. Đây thuộc về hạng Địa tiền. “Nhập ở chánh vị”: tức là Sơ Địa. Kệ và phần văn xuôi có sai biệt: tu hành các nhân thì hạnh tự lợi tăng. Hóa sinh làm vua thì hạnh lợi tha phát triển hơn. Kệ thì gồm chung cả hai điều trên, tức gọi là sai khác.

Tiếp sau là phần ba: Nêu cảnh và trí của vị nhân, văn chia làm ba phần: 1. Xác nhận những điều đã nói; 2. Cảnh và trí của vị nhân; 3. Tán thán đức sâu rộng của nhân. Trong phần một: Xác nhận những điều đã nói chia làm bốn phần. Đây là phần một: Nêu nhân của đời trước.

Kinh: Bảy giờ, Đức Thế Tôn bảo cho đại chúng: Vua Ba-tư-nặc này đã là Bồ-tát địa thứ tư, ta là Bồ-tát Địa thứ mười trong pháp của Đức Phật Long Quang vương ở thời quá khứ mười ngàn kiếp.

Giải thích: Dẫn trong nhân xưa để nói về đồng sự. Tiếp theo là phần hai - Nói về kệ tán hôm nay.

Kinh: Nay Đại sư tử gầm vang trước mặt ta.

Giải thích: Kệ tán ở trước Phật, đắc được quyết định thuyết.

Kế đến là phần ba - Xác nhận những điều đã nêu.

Kinh: Đúng vậy! Đúng vậy! Như ông đã nói, đắc nghĩa chơn thật, không thể nghĩ bàn.

Giải thích: Lặp lại lời “đúng vậy”, như ông đã nói: Là xác nhận lời văn của chủ thể giảng nói “Đắc nghĩa chơn thật”: là xác nhận nghĩa nơi đối tượng được giảng nói. Do đó mà lặp lại hai lần “Đúng vậy! Đúng vậy!”.

“Không thể nghĩ bàn”: là Đức Phật khen văn nghĩa của vua Ba-

tư-nặc, dứt bật tâm, tư, ngôn ngữ.

Tiếp sau là phần bốn - Duy chỉ Phật mới biết được.

Kinh: Chỉ Phật với Phật mới biết điều ấy.

Giải thích: “Chỉ...” Bồ-tát tu chứng các nhẫn chưa trọn vẹn chỉ có chư Phật chứng hiểu nhẫn đã viên mãn, cho nên biết hết.

Dưới đây là phần hai: Nêu cảnh trí của vị nhẫn, văn chia làm ba phần:

1. Nhẫn khó lường; 2. Trưng hỏi tướng chung; 3. Phân biệt giải thích. Đây là phần một - nhẫn khó lường.

Kinh: Nay thiện nam! Mười bốn nhẫn này là Pháp thân của chư Phật, là hạnh của chư Bồ-tát, không thể nghĩ bàn, không thể đo lường. Giải thích: Trong phần văn xuôi trước, Phật thuyết về mười vua, tiếp đến là ở trong kệ, vua tán thán riêng về nhẫn, cảnh trí của nhẫn, hoặc là nhân hay là quả, ở đây đều nói đủ.

“Mười bốn nhẫn này”: là nhắc lại lời văn trước.

“Pháp thân của chư Phật”: nghĩa là Ứng thân và hóa thân đều là Pháp thân.

“Hạnh của chư Bồ-tát”: là tất cả hạnh trước ngôi vị Đẳng Giác.

“Không thể nghĩ bàn...”: là tâm không thể suy tính, miệng không thể nói bàn, vượt quá cảnh đo lường, gọi là không thể. Ý nói: Phật, Bồ-tát đều nương theo nhẫn này, tính mọi nghĩ bàn, đo lường tánh tướng của Nhẫn này đều không thể hết. Tiếp nữa là phần hai: Trưng hỏi tướng chung.

Kinh: Vì sao?

Giải thích: Vì sao chư Phật, Bồ-tát đều nương theo mười bốn nhẫn này là không thể suy lường.

Kế đến là phần ba: phân biệt giải thích, văn chia làm hai phần: 1. Nói về cảnh trí của Phật; 2. Nói về cảnh trí của Bồ-tát.

Trong phần cảnh trí của Phật, chia làm ba:

- Nêu về Phật sinh hóa diệt.

- Giải thích vô sinh hóa diệt.

- Kết: Như hư không. Đây là phần một: Nêu Phật sinh hóa diệt.

Kinh: Tất cả chư Phật đều sinh ra trong Bát-nhã Ba-la-mật-đa, hóa trong Bát-nhã Ba-la-mật-đa, diệt trong Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Giải thích: Thật tướng Bát-nhã thì không có sinh, hóa, diệt. Chư Phật hóa viên mãn tương ứng mười phương thị hiện sinh, hóa, diệt ở trong Bát-nhã, tức là các sự sinh ra ở trong cung điện vua, chuyển pháp luân để hóa độ và sau cùng nhập diệt ở rừng cây Song Lâm.

Tiếp theo là phần hai: giải thích về vô sinh, hóa, diệt, trong đó lại

có hai phần: Đây là phần một - giải thích về vô sinh,...

Kinh: Thật ra chư Phật sinh mà không hề có sinh, hóa không hề có hóa, diệt mà không hề có diệt.

Giải thích: Ý nói Thể của chư Phật rộng khắp là, tướng viên dung, động mà thường tịch, không có sinh, hóa, diệt. Dưới đây là phần hai - Cảnh và trí đều vắng lặng.

Kinh: Là đệ nhất, không có hai, chẳng phải tướng chẳng phải không tướng, không tự không tha, không đi không đến.

Giải thích: Nói “Đệ Nhất” là hơn hết, không có gì bằng.

Nói “không hai”: là vì Như và Trí không khác

Nói “chẳng phải tướng”: là vì nó không giống với hình sắc.

“Chẳng phải không tướng”: là không giống như sừng thỏ.

“Không tự không tha”: là Ứng thân và hóa thân hiện ra thì có hơn kém khác nhau, nhưng với Thân pháp tính thì không có tự, tha.

“Không đi, không đến”: Vì hóa hiện ứng vật thị hiện nên có đến có đi, nhưng Thể thường chẳng động, nên không có đến, đi.

Kế đến là phần ba: Kết - Như hư không.

Kinh: Vì như hư không.

Giải thích: Tĩnh lặng mà không trái với động, động nhưng thường vắng lặng, ngay ở động mà tĩnh, như hư không.

Dưới đây là phần hai: Nói về cảnh, trí của Bồ-tát. Văn chia làm hai phần: 1. Ngay ở cảnh quán không; 2. Ngay ở trí quán không.

Nơi phần một: Ngay ở cảnh quán không, Văn có hai:

- Biệt tướng quán không.

- Tổng tướng quán không.

Ở phần Biệt tướng quán không, văn có hai:

- Ngay ở pháp quán không.

- Ngay ở Thọ quán không.

Trong phần một - Ngay ở pháp, văn lại chia làm ba: Đây là phần một: Không sinh diệt.

Kinh: Nay người thiện nam! Tất cả chúng sanh, tính không sinh diệt.

Giải thích: Hiển bày theo Chơn. “Tất cả chúng sanh”: là chung cả chủ thể hóa và đối tượng được hóa. Tự tính các uẩn, thể tức chơn như, không có sinh diệt. Tiếp theo là phần hai - Nói về pháp là không thật.

Kinh: Do các pháp tập hợp duyên hóa mà có. Tướng của uẩn xứ giới, không hợp không tán.

Giải thích: Nghĩa là, từ vô thủy đến nay do mê tự chơn tính, bị

tướng làm lay động này khiến cho biết đó là huyễn.

“Do các pháp tập hợp, huyễn hóa mà có”: là pháp năm uẩn. Năm uẩn hòa hợp, gọi là tập. Đó không có “thể”, do thật huyễn hóa mà có.

“Uẩn, Xứ, giới”: là nói pháp huyễn.

Nói “không hợp”: là uẩn từ duyên mà khởi, tự tính của duyên là không, cho nên không hợp.

Nói “không tán”: các duyên giả tập, tạm có hiển hiện, cho nên không tán.

Tiếp đến là phần ba - nói về pháp tính không.

Kinh: Pháp đồng pháp tính, vắng lặng rỗng không.

Giải thích: Chữ “pháp” nói trên là pháp của các uẩn... “Đồng pháp tính”: là đồng tính chơn như. Tính và tướng nương giữ nhau, Thể không lia nhau. Hiểu tướng tức là Tính vắng lặng rỗng không.

Dưới đây là phần hai - Ngay nơi Thọ quán không. Văn chia làm ba phần: 1. Thể tính thanh tịnh; 2- hành không thật; 3. Tổng kết nói không.

Đây là phần 1- Thể tính thanh tịnh

Kinh: Tất cả chúng sanh, tự tính thanh tịnh.

Giải thích: Đây là nêu lên chân tính của chúng sanh vốn thanh tịnh. Khác với trên là Thể của các uẩn vốn không sanh diệt, còn đây là nói tự tính của tác nghiệp vốn thanh tịnh. Trước nói Quả, sau là nói Nhân. Trước pháp sau là thọ. Trước là khổ, sau là Tập, khác nhau là ở chỗ đó.

Tiếp theo là phần hai - Nói hành không thật. Văn lại chia làm hai phần. Đây là phần một - Nói về hành không thật

Kinh: Các hành vốn tạo tác, không có trói không có mở, chẳng phải Nhân chẳng Quả, chẳng phải không nhân quả.

Giải thích: Nói về tác nghiệp. “Các hành vốn tạo tác”: Các tức là nhiều, Hành là tạo tác, làm ra. Theo thân khẩu ý tạo tác nghiệp thiện nhiễm của sáu cõi, gọi là các hành. “không trói không mở”: là vì vọng chấp lay động cho là phiền não trói buộc, nên mong cầu sự mở trói: do đó có trói và mở. Hiểu rõ Thể tức là chơn, vốn tự nó không có trói thì ai lại mong cầu mở trói, liền không có Trói và mở”. Chẳng phải nhân chẳng phải quả”: Những hành đã làm vì vọng nên thấy là có, tự tính của vọng rỗng không, không có cho nên chẳng phải nhân quả. “Chẳng phải không nhân quả”: khi chưa hiểu rõ tự tính thì vọng tưởng trôi đuổi, theo nhân mà cảm quả, như là huyễn có.

Kế đến là phần hai: Nói về thọ không thật.

Kinh: Các hành khổ thọ, phiền não, sở tri, Ngã tướng, nhân tướng, tri kiến, thọ giả.

Giải thích: Nói về vọng thọ. “Các khổ”: Là xét chung trong Ba cõi gồm có ba khổ. Ba khổ khác nhau nên gọi là các. “Hành thọ”: Thọ là thâm nạp, các cảnh thuận nghịch, và không thuận nghịch tướng đó làm tính gọi là hành thọ. Hoặc đối với tạo tác của nghiệp kia là tướng. Nói “phiền não”: Phiền mệt khuấy rầy, các hữu não loạn. “Sở tri”: Chướng ngại trí tuệ không sinh; sở tri là chướng, đó tức là hai chướng. “Ngã Tướng...”: Đã giải thích như trước tức chướng dựa vào chấp mà sinh ra. Chướng thì rộng, chấp thì hẹp, sinh đủ cả hai chướng, nên nói riêng từng chướng.

Kinh: Tất cả đều không.

Giải thích: Nói về các hành cho đã tạo tác đến thọ giả theo vọng tình lưu động cho là có, thì đều không có tự tính, nên tất cả đều không.

Dưới đây là phần hai: Tổng tướng quán không, văn chia làm ba phần:

1. Nêu cảnh giới không; 2. Giải thích về cảnh giới không; 3. Kết.

Như hư không. Đây là phần một: Nêu cảnh giới không.

Kinh: Cảnh giới của các pháp không.

Giải thích: “Cảnh giới của các pháp”: Tức các hành vốn tạo tác của uẩn... trong pháp và thọ. Ba Tính sáu cõi cho đến Tam bảo đều gọi là pháp, đều là không. Tiếp theo là phần ha: Giải thích về cảnh giới không. Văn chia làm ba: 1. Nói về Ba tính không.

Kinh: Không, vô tướng, Vô tác, chẳng thuận điên đảo, chẳng thuận huyễn hóa.

Giải thích: Nói “không” là vọng đảo không. “Vô tướng”: là Chơn như vô tướng. “Vô tác”: là hữu vi vốn không thật không có tự tác. “Chẳng thuận điên đảo”: là Thể của vọng vốn không, không có gì thể thuận. “Chẳng thuận huyễn hóa”: Tướng thì không có tự tính vì thể của nó rỗng không, vắng lặng.

Kế đến là phần hai: Nói về vô tướng không

Kinh: Không có tướng của sáu cõi. Không có tướng bốn loài, không có tướng Thánh nhân, Không có tướng Tam bảo.

Giải thích: Ba tính của cõi hưởng đến loài sinh ra và vô ký, chúng đều không có tự tính, hiểu rõ vốn là “không”. “Không có Thánh nhân”: bậc Thánh Nhị Thừa và Bồ-tát thập địa đều không có tự tính. “không có Tam bảo”: Biệt tướng, Trù trì, hai loại Tam bảo là thân Phật thị hiện, hiểu rõ đều không có tự tính, thấu đạt không có “thể” thật, đều không có tướng.

Tiếp sau là phần ba: Kết: như hư không.

Kinh: Vì như hư không.

Giải thích: Chiếu rõ cảnh rỗng lặng như hư không.

Dưới đây là phần hai: Tức trí quán không. Văn chia làm ba phần: Đây là phần một - nói về Trí chiếu không.

Kinh: Nay người thiện nam! Bát-nhã rất sâu xa, không tri, không kiến, chẳng hành, chẳng duyên, chẳng xả, chẳng thọ.

Giải thích: “Bát-nhã rất sâu”: Là Chánh trí. Nói “không Tri”: là không phân biệt. Nói “không kiến”: là vì không tìm cầu. Nói “không hành”: là vì trí ngầm hợp với chơn. Nói “chẳng duyên”: là không có tướng duyên. Nói “chẳng xả”: là không đối thoát, “Chẳng Thọ”: là không có lãnh nạp. Sáu nghĩa trên đều là chánh trí. Lại giải thích: không gì là không biết, biết nhưng không biết. Không gì là không thấy, thấy mà không thấy... Không gì là không thọ, thọ nhưng không thọ. Sáu nghĩa sau này, chung cả chơn và tục, nhưng trong sáu nghĩa sau thì hành là vạn hạnh, duyên là Lý sự, xả là tài pháp hoặc đại xả, thọ là chơn tục bất biến. Do đã chứng chơn đạt tục, đắc vô trụ.

Tiếp đến là phần hai - nói về Không có tướng của chiếu.

Kinh: Chánh trụ quán sát nhưng không có tướng của chiếu.

Giải thích: Vô phân biệt trí, chánh trụ hiện tiền, chiếu nhưng không có chiếu, vì không trụ tướng. Tiếp sau là phần ba - kết về Trí, nói về Không.

Kinh: Vì người hành đạo ấy như hư không.

Giải thích: “Người hành đạo ấy”: Nghĩa là chư Bồ-tát nương theo đây để tu chứng. Cảnh và Trí đều Tĩnh lặng như hư không. Lại nữa, dùng đoạn văn này để đối những người không biết dứt bỏ tướng sinh ra chánh giải. Vì lập lượng nói: quán chiếu Bát-nhã làm Tông. Lấy pháp Hữu quyết định cho pháp không có tướng của chiếu làm tông. Pháp và pháp Hữu hòa hợp làm tông, vì không biết, không thất... Cả ba thứ hợp lại làm một dùng làm pháp nhân. Do Như hư không, đó là dụ cho pháp.

Sau đây là phần hai: giải thích, Kết về khó lường.

Văn chia làm 2: 1. Giải thích về sự khó lường; 2. Kết về sự khó lường.

Trong phần Giải thích văn lại chia làm ba phần.

Đây là phần một - Nêu về Chẳng thể đạt được.

Kinh: Pháp tướng như vậy, Đắc tâm có sở đắc. Tâm không sở đắc đều không thể đạt thuộc chẳng thể đạt được.

Giải thích: “Tướng của pháp như vậy”: là cảnh và Trí đã nói

trên.

“Tâm có sở đắc”: là tâm giữ lấy tướng.

“Tâm không sở đắc”: là Vô phân biệt trí

“Đều chẳng thể đạt được”: Trước là tâm chấp có đắc là vọng nên chẳng thể đạt được, sau chấp trí vô đắc là chân nên chẳng thể đạt được. Nếu chẳng phải tự chứng mà, tương tự duyên Như thì cũng chẳng thể đạt được, tức trong bốn câu trên, câu trước là nêu, tiếp là kê riêng, sau là tổng kết.

Tiếp theo là phần hai - giải thích chẳng phải Tức và Lìa.

Kinh: Là vì Bát-nhã, chẳng phải tức năm, chẳng phải lìa năm uẩn, chẳng ở ngay chúng sanh, chẳng lìa chúng sanh, chẳng phải tức cảnh giới, chẳng lìa cảnh giới, chẳng phải tức ở hành giải, chẳng phải lìa hành giải.

Giải thích: Bốn câu văn trên nói Thể đều là Bát-nhã, do tâm mê hay ngộ nên trời hay mở khác nhau.

“Là vì Bát-nhã”: là nêu lên để giải thích pháp.

“Chẳng phải tức năm uẩn”: vì uẩn là huyễn vọng mà có. Bát-nhã chẳng phải là huyễn vọng nên là phi tức (chẳng ở ngay)

“Chẳng lìa năm uẩn”: Thật tướng bình đẳng, Thể hiện bày khắp tất cả nên chẳng lìa. Đây là giải thích câu trên nói, do các pháp tập hợp huyễn hóa mà có.

“Chẳng phải tức chúng sanh”: chúng sanh thì vọng đảo, Bát-nhã chẳng vọng đảo, nên chẳng phải tức, “chẳng phải lìa”: giống như trên. Giải thích tiếp theo nói các hành mà chúng sanh đã làm.

“Chẳng phải tức cảnh giới”: các cảnh giới trước đây không hiểu rõ nên là vọng. Thật tướng thì chẳng vọng nên chẳng phải tức. “Chẳng phải lìa”: Giống như trên. Giải thích văn nói cảnh giới ở trên.

“Chẳng phải tức hành giải”: hành giải tức chính là Trí quán chiếu. Hoặc trụ ở tướng, nên bảo là chẳng phải tức. Hoặc vô phân biệt nên bảo là chẳng phải lìa. Đó là giải thích về quán chiếu. Cho nên tri, đoạn, chứng, tu là bốn thứ khác nhau.

Kế đến là phần ba: Giải thích chung về nghĩa khó lường.

Kinh: Các tướng như vậy không thể suy lường.

Giải thích: Như vậy, các tính tướng nơi nhãn kể trên của chư Phật. Bồ-tát là không thể tư duy, không thể suy lường, có thể biết được đức đó là vượt quá sự suy lường.

Dưới đây là phần hai- kết về khó lường. Văn chia làm ba phần. Đây là phần một: Kết về Hạnh Bồ-tát.

Kinh: Do đó, tất cả đại Bồ-tát tu các hành chưa đạt đến cứu cánh mà ở hạnh trung.

Giải thích: Đây là kết nêu Hạnh Trung đạo của chư Bồ-tát. Nói “Do đó”: là từ ngữ kết phần nói trên. Nói “Tất cả”: là chư Bồ-tát thuộc Địa tiền và Địa thượng, từ Sơ phát tâm cho đến chưa thành Phật đều ở trong nhẫn mà tu hành. Tuy thể tính của nhẫn, không có Thánh phàm, nhưng nương theo nhẫn nói về tu, cho nên gọi là Bồ-tát.

Tiếp theo là phần hai: Kết về chư Phật hóa.

Kinh: Tất cả chư Phật biết như huyễn hóa, không trụ tướng mà ở trong ấy hóa độ

Giải thích: “Tất cả chư Phật”: Đây là kết, nêu lên Pháp thân của chư Phật.

“Biết Như huyễn hóa”: biết những chúng sinh mà mình hóa độ là Như Huyễn không thật. Nếu chẳng có sự che chở của giáo pháp thì không cách gì thoát được sợi dây trói buộc của huyễn. Vì vậy mà khởi hóa độ.

“Đắc vô trụ tướng”: Tất cả phàm phu vui thích trụ trong sinh tử, bậc thánh Nhị thừa thì vui thích trụ trong Niết-bàn, chư Phật Thế Tôn đắc không trụ và đại bi đại trí, do đó không trụ đạo sinh tử, Niết-bàn.

“Mà hóa ở trong”: ấy hóa độ”. Ở trong sự nhẫn chịu cõi, loài Thánh hiền mà hóa độ.

Sau đây là phần ba: Kết - nhẫn khó lường.

Kinh: Cho nên, mười bốn nhẫn chẳng thể suy lường.

Giải thích: Đây là phần kết. Tiếp theo là phần ba: Tán thán đức sâu xa của nhẫn, văn chia làm ba: 1. Lợi ích rộng lớn; 2. Dụ nói nghĩa khó lường; 3. Chư Phật khen ngợi.

Đây là phần một: Lợi ích rộng lớn.

Kinh: Nay người thiện nam! Ông nay đã nói kho tàng công đức đó, có lợi ích lớn cho tất cả chúng sanh.

Giải thích: Tán thán những nhẫn đã nói, chính là kho tàng công đức, sinh ra văn, tư... làm lợi lạc rộng lớn. Tiếp theo là phần hai - Dụ nói nghĩa khó lường.

Kinh: Giả sử vô lượng hằng hà sa số Bồ-tát mười Địa nói công đức ấy trăm ngàn ức phần như một giọt nước biển.

Giải thích: Nói rõ đức rộng lớn. “Giả sử vô lượng hằng hà sa”: là số cực nhiều. “Bồ-tát mười Địa”: là tổ sự hơn thắng. Trong hàng Bồ-tát, mười Địa hơn hết. “Nói công đức ấy”: là công đức của nhẫn. “Trăm ngàn ức phần...”: là nêu dụ để nói rõ. Nghĩa là đức nhẫn trọn đủ, lượng

đồng với pháp giới, giống như biển lớn. Bồ-tát mười Địa thuyết trăm ngàn ức phần cũng chỉ như một giọt nước mà thôi.

Hỏi: Nếu vậy, vua Ba-tư-nặc chứng đến tột cùng cực cũng chỉ ngang mười Địa, vì sao Bồ-tát mười Địa dù có tán thán cũng kém hơn?

Đáp: Vua Ba-tư-nặc thuyết về nhẫn đồng với Phật thuyết.

Tiếp theo là phần ba - Chư Phật khen ngợi.

Kinh: Chư Phật ba đời có thể biết như thật, tất cả Hiền Thánh đều xưng tán. Do đó, Ta nay lược kể một phần ít công đức.

Giải thích: Toàn bộ công đức của mười bốn nhẫn này, chư Phật ba đời biết được như thật. Tất cả Bồ-tát, Hiền, Thánh đều xưng tán, đều nương theo nhẫn mà tu hành. “Do đó...”: Nếu Phật nói đủ thì e rằng chúng sinh phạm loạn, vì vậy mà Phật chỉ lược kể một ít phần công đức mà thôi.

Dưới đây là phần bốn: Tán Phật đồng tu. Văn chia làm hai phần:

1. Chư Phật đồng tu; 2. Khởi tịnh tín. Trong phần một chư Phật đồng tu, văn chia làm hai: 1. Ba đời đồng tu; 2. Phải tu tập.

Văn phần một - lại có ba: 1. Quá khứ và hiện nay đồng tu.

Kinh: Nay người thiện nam! Mười bốn nhẫn này là sự tu hành của tất cả Bồ-tát ở thời quá khứ và hiện tại trong mười phương thế giới.

Giải thích: Nói về tất cả Bồ-tát cùng tu môn nhẫn này.

Tiếp đến là phần hai - Phật hiển thị.

Kinh: Là sự hiển thị của tất cả chư Phật.

Giải thích: Do cùng thuyết như nhau. Tiếp sau là phần ba - Hợp nói về vị lai.

Kinh: Chư Phật, Bồ-tát Ma-ha-tát thời vị lai cũng lại như vậy

Giải thích: Liệt kê quá khứ, hiện tại. Sau đây là phần hai: Nói về việc phải tu tập. Văn chia làm ba: 1. Phải tu tập.

Kinh: Nếu Phật, Bồ-tát không do môn này mà đắc Nhất-thiết-trí, thì không có chuyện đó.

Giải thích: Nói “không do” nghĩa là nguyên do, nguyên nhân. Nếu Phật, Bồ-tát không nhân ở nhẫn, không nhập vào cửa này mà đắc thành quả Phật Nhất-thiết-trí, thì không bao giờ có việc đó.

Tiếp theo là phần hai - Hỏi về nguyên do.

Kinh: Vì sao?

Giải thích: Vì sao người không tu nhẫn thì không thành Phật?

Kế đến là phần ba: Giải thích về nguyên do

Kinh: Vì chư Phật, Bồ-tát không có con đường nào khác

Giải thích: Vì chư Phật, Bồ-tát không tu tập thứ tự theo Môn nhãn thì không có con đường nào khác để đắc thành Phật.

Sau là phần hai - Khởi tịnh tín. Trong đó chia làm hai phần. 1. Tín thì vượt kiếp.

Kinh: Nếu Người nghe nhãn Trụ, nhãn hành, nhãn Hồi hướng, nhãn Hoan hỷ, nhãn Ly cấu, nhãn Phát Quang, nhãn Diễm Tuệ, nhãn Năng Thắng, nhãn Hiện Tiên, nhãn Viễn hành, nhãn chẳng động, nhãn Thiện Tuệ, nhãn Pháp Vân, nhãn Chánh Giác đó, có thể khởi một niệm Tín thanh tịnh, thì người ấy vượt qua tất cả khổ nạn trong trăm kiếp, ngàn kiếp, vô lượng vô biên hằng hà sa kiếp không sinh cõi ác.

Giải thích: Sinh tử nhiều kiếp, do không nghe biết danh. Nếu có người nghe được không sinh nghi báng, sinh tín tịnh sâu, cho đến chỉ một niệm cực ít.

“Thì người ấy vượt qua trăm ngàn...” tức là vượt qua các khổ tám vạn, không sinh cõi ác của hằng hà số kiếp. Huống chi là thọ trì đọc tụng, khởi văn tư tu lâu ngày, mà không vượt qua được sao?

Tiếp theo là phần hai - Đắc Bồ-đề.

Kinh: Không bao lâu, sẽ đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Giải thích: Do từ Tín Tịnh trước, không những là vượt khổ mà còn không bao lâu sẽ đắc Bồ-đề.

Dưới đây là phần ba - Đại chúng tu hành. Văn chia làm ba phần:

1. Người nghe pháp.

Kinh: Lúc ấy, mười ức đại Bồ-tát cùng tên Hư không Tạng, và vô lượng vô số những đại chúng vân tập đến đều vui hơn hờ.

Giải thích: Khi nghe nhãn, Bồ-tát có cùng tên gọi, và các đại chúng tức là những đại chúng đã liệt kê trong phần phẩm Tựa, đều hoan hỷ cùng tột. Tiếp theo là phần hai: Thấy chư Phật.

Kinh: Nương oai thần Phật, thấy khắp mười phương hằng hà sa chư Phật, mỗi một vị đều ở đạo tràng thuyết mười bốn nhãn, như đức Thế Tôn ta đã thuyết giảng không khác.

Giải thích: Nhờ nghe pháp, cho nên nương oai thần Phật, liền thấy mười phương hằng hà sa đức Phật.

“Mỗi vị đều ở đạo tràng...”: Nghĩa là mỗi vị đều ở đạo tràng hải hội quốc độ của mình thuyết mười bốn nhãn. Như nay Thế Tôn đã thuyết không khác. Là biểu thị cho chủ thể thuyết và đối tượng thuyết giống nhau. Nhờ oai lực của pháp mà được Nghe và Thấy giống nhau. Như kinh Hoa Nghiêm: Bồ-tát Pháp Tuệ thuyết Thập trụ, Bồ-tát Công Đức Lâm thuyết Thập hạnh, Bồ-tát Kim cang Tràng thuyết Thập Hồi

hướng, Bồ-tát Kim cang Tạng thuyết Thập địa. Cuối mỗi một Hội, trang nghiêm đàng tràng càng trang nghiêm hơn với nhiều loại rực rỡ hơn, vô số cờ phướn báu, lọng báu, khiến cho chúng thời đó thấy khắp mười phương Bồ-tát cùng tên, cùng thuyết tu hành. Nay kinh này đức Thế Tôn tự thuyết, cho nên thấy mười phương hằng hà sa số hải hội chư Phật đều đồng thuyết.

Tiếp đến là phần ba - Như thuyết tu hành.

Kinh: Mỗi mỗi Hoan hỷ, như thuyết tu hành Bát-nhã Ba-la-mật đa.

Giải thích: “Hoan hỷ tu hành”: như văn dễ hiểu. Sau đây là phần ba - Trả lời câu hỏi về quán sát. Văn có ba phần: 1. Nêu chung về câu hỏi trước; 2. Biệt tướng đối trị; 3. Kết: Chánh Quán sát. Trong phần nêu chung về câu hỏi trước, văn có ba: 1. Nêu chung câu hỏi trước.

Kinh: Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo vua Ba-tư-nặc: Ông trước đã hỏi lại dùng tướng gì mà trụ quán sát.

Giải thích: Nhắc lại câu hỏi trước, đầu tiên là nói về năm nhãn, hạnh tự lợi tăng thêm, tiếp đó là thuyết về mười vua, hạnh lợi tha tăng thêm. Như tự lợi và lợi tha đều khiến quán sát. Quán là chiếu tuệ, sát là xét kỹ. Quán chiếu xét kỹ, nên bảo là quán xét.

Tiếp theo là phần ba - trụ bình đẳng.

Kinh: Bồ-tát Ma-ha-tát nên quán như vậy, dùng thân huyễn hóa mà thấy huyễn hóa, chánh trụ bình đẳng, không có kia, Ta.

Giải thích: “Nên Quán như vậy”: là nêu bày quán hành. “Dùng thân huyễn hóa”: là quán tự mình như huyễn. “Mà thấy huyễn hóa”: là quán tha (người khác) như Huyễn. “Chánh trụ bình đẳng”: là vô phân biệt trí, chánh trụ hiện tiền, không có tướng mình, người, tức bình đẳng. “Không có kia, ta”: thấu đạt hữu như huyễn. Hai lợi đã tu lâu ngày không gián đoạn thì chấp người, ta dứt mất.

Tiếp sau là phần ba - Kết - Nêu bày tu hành.

Kinh: Quán sát như vậy, hóa lợi chúng sanh.

Giải thích: Nên quán hành như vậy mà hóa độ lợi ích.

Dưới đây là phần hai - Biệt tướng đối trị, văn chia làm hai: 1. Biệt quán các giả; 2. Kết: chỉ bày chánh quán.

Trong phần biệt quán, văn chia làm bảy: 1. Pháp giả; 2. Thọ giả; 3. Danh giả; 4. Tướng tục giả; 5. Tướng đãi giả; 6. Duyên hành giả; 7. Nhân thành giả.

Trong phần pháp giả, chia làm ba:

- Tâm pháp.

- Sắc pháp.
- Tổng kết đối trị.
- Nơi phần tâm pháp, vẫn chia làm hai:
- Nói riêng về hai chỗ nương tựa.
- Sắc tâm rộng lớn.

Văn phần một lại chia làm hai: 1- Chỗ nương của mê và ngộ.

Kinh: Mà những hữu tình ở kiếp lâu xa, Thức Sát-na đầu tiên khác với gỗ đá.

Giải thích: “Mà những hữu tình”: Gồm chung tất cả phàm, Thánh trước ngôi vị Đăng giác.

“Ở kiếp lâu xa”: là từ vô thủy, nhưng chỉ nói là kiếp lâu xa.

“Thức đầu Sát-na tiên khác với gỗ đá”: Đây có hai nghĩa. Có thuyết nói: Thức đầu tiên tùy ở cõi nào thì tiếp tục trong phần vị sinh Sát-na đầu tiên, là thức thứ tám. Thức thì có duyên lự, khác với gỗ đá không có duyên lự. Có thuyết nói: Thức đầu tiên giống như quyển một trong kinh Lăng già bản bốn quyển, nói: Các Thức có ba loại tướng, là chuyển tướng, nghiệp tướng, chơn tướng. Về chơn tướng pháp sư Hải Đông nói: chơn tâm bản giác không nhờ vào vọng duyên, gọi là Tự chơn tướng. Tiếp đến là nghiệp và chuyển. Lại nữa, Luận Khởi Tín nói là nghiệp chuyển hiện đại thể giống với kinh Lăng Già nhưng tên gọi thì hơi khác. Pháp sư Hải Đông nói: “Nghiệp Tướng” là vô minh căn bản dấy khởi Tĩnh khiến cho động, động thành ra là nghiệp thức, rất vi tế. “Chuyển tướng” là chủ thể kiến đó nương theo Nghiệp tướng trên mà chuyển thành chủ thể duyên, tuy có chủ thể duyên nhưng chưa thể hiện rõ cảnh sở duyên. “Hiện Tướng” tức là cảnh giới nương theo chuyển tướng trên mà hiện ra cảnh, nên kinh Lăng già nói: Ví như gương sáng lưu giữ hình tượng, hiện thức hiển hiện cũng lại như vậy. Tiếp theo kinh lại nói: là bỗng phân biệt biết, tự tâm hiện thân và thân an lập, cảnh giới thọ dụng, tức là căn thân, khi thế giới bên ngoài. Năm cảnh như sắc... tự nhiên hiện ra ở mọi thời. Đó là ba vi Tế, tức là bản thức.

Hỏi: Nếu vậy, kinh gọi là Thức đầu tiên thì cái gì nương theo cái gì để huân tập thành nhân duyên sinh?

Đáp: Nghiệp thức tối sơ tức là Thức đầu tiên, nương theo môn sinh khởi thành là thứ lớp. Lại nữa, từ những kiếp lâu xa đến nay, không có mới bắt đầu. quá khứ vị lai không có thể, huân tập chỉ là tâm vọng niệm là đầu tiên, dấy khởi trái chân. Kinh Lăng già nói: Huân tập bất tư nghị Biến chuyển bất tư nghị, là nhân của Hiện thức. Pháp sư Hải Đông giải thích: vô minh căn bản Huân tập Bản giác, gọi là Huân tập bất tư nghị,

Bản giác động theo gọi là Huân. Lại thể của Bản giác kia, Thể tuy bất biến, nhưng do tùy duyên mà nói là Biến. Hoặc Huân hoặc Biến đều bất dứt, tâm tư, ngôn ngữ, gọi là bất tư nghị. “Nhân của Hiện thức”: thật ra đó là Nhân của Nghiệp Thức. Về Nhân duyên thì bản giác là Nhân, vô minh là duyên mà khởi nghiệp thức.

Dưới đây là phần hai - chỗ nương của tịnh nhiễm.

Kinh: Sinh đắc nhiễm, tịnh, mỗi tự có thể làm vô lượng số căn bản của thức nhiễm tịnh.

Giải thích: “Sinh đắc nhiễm, tịnh”: là cùng sinh ra với thân, vừa sinh ra liền đắc. Đây cũng là những thứ được sinh ra từ vô thủy. Nhiễm có hai loại: Hữu phú và bất thiện. Tịnh có hai loại: vô ký và thiện.

Nói “Mỗi tự”: là từ nhiễm sinh ra nhiễm, từ tịnh sinh ra tịnh, như nhân đồng loại dẫn đến quả Đẳng lưu, gọi là “Mỗi tự”.

“Có thể làm vô lượng số”: gồm hai loại vô lượng số: 1. Vô lượng số về thời nhiều kiếp lâu dài; 2. Vô lượng số nhiễm tịnh sinh ra.

“Căn bản của thức nhiễm tịnh”: Do trước sinh đắc mà dẫn khởi tự loại sau. Nên trước là làm căn bản của cái sau gọi là căn bản của thức. Về sự khác nhau của các thức, ở đây có hai nghĩa: Có thuyết nói: Thức thứ tám chỉ tịnh, vô ký là gốc sinh ra các cõi. Thức thứ bảy cũng thường hữu phú và Thiện. Sáu thức trước thì gián đoạn, thông cả ba tính, chỉ thức thứ sáu thì nhiễm và tịnh đều tăng, là thức tối thắng trong tu đoạn sự. Tuy năm thức còn lại cùng nhau huân tập làm nhân để sinh nhưng vốn đều có chủng tử từ xưa dấu khởi, mỗi thứ đều từ chủng tự riêng sinh ra thức nhiễm tịnh làm căn bản cho sự sinh đời sau. Có thuyết nói: Nghiệp thức là lực vô minh làm tâm bất giác động, dựa vào tâm động mà khởi chuyển thức có thể thấy tướng. Dựa vào khả năng thấy mà khởi hiện thực, đó gọi là khả năng hiện tất cả cảnh giới”. Dựa theo Hiện thức mà khởi trí thức, phân biệt nhiễm tịnh khởi Ngã pháp. Dựa vào trí thức mà khởi thức tương tục, trụ giữ những nghiệp thiện ác qua khứ khiến cho không mất, và thành thực các quả báo khổ, lạc của hiện tại và vị lai không hề sai trái. Ba vi tế trước tuy vô minh khởi, nhưng không tương ứng với Tịnh, vô ký. Tịnh và Nhiễm sau, tuy khác nhau về hơn kém, nhưng theo trước mà sinh, lấy nghiệp làm gốc. Có sự sai khác là: Nghiệp từ Bản Giác khởi, Bản giác là gốc của Nghiệp. Nghiệp sinh ra các nhiễm, tịnh khác. Nghiệp là gốc của tịnh, nhiễm. Lấy tướng nghiệp làm gốc của tịnh nhiễm.

Hỏi: Nếu vậy, Thức có mấy loại, làm thế nào mà huân tập thành nhân duyên sinh?

Đáp: Kinh Lăng già nói: Nay Đại Tuệ! Lược nói thì có ba loại Thức, Rộng nói thì có tám tướng. ba loại Thức là: Chơn thức, Hiện thức và Phân Biệt sự thức. Ngài Hải Đông giải thích: Chơn thức là Bản Giác, Hiện thức là thức thứ tám, còn bảy thức khác là Thức Phân biệt sự. Tuy Thức thứ bảy không duyên với ngoại trần, vì duyên với Thức thứ tám, nên gọi là Thức phân biệt sự. Về huân tập, theo kinh Lăng già: Hiện thức và phân biệt sự thức, lần lượt cùng làm nhân cho nhau. Chủng thức thứ tám làm nhân sinh ra bảy thức. Bảy Thức trước có thể huân tập sinh ra lại Thức thứ tám, vì từ vô thủy đến nay luôn lần lượt làm Nhân cho nhau, lại nhân duyên: Tự chủng là nhân các cảnh do Hiện thức hiện ra làm duyên, hợp với nhiễm, tịnh mà sinh các Thức. Có người cho Bát-nhã không có tám Thức, để bác điều đó mà dẫn văn kinh để chứng minh.

Dưới đây là phần hai - Sắc tâm rộng lớn, văn chia làm hai phần: 1. Nêu bày trước sau; 2. Sắc tâm rộng lớn. Đây là phần một - Nêu trần trước sau.

Kinh: Từ Sát-na đầu tiên kiếp không thể nói hết, cho đến một Sát-na cuối cùng của định Kim cang.

Giải thích: Trước là căn cứ theo sinh khởi, từ tế đến thô. Đây là nêu trước và sau làm rõ khoảng giữa nhiều.

“Từ Sát-na đầu tiên”: Tức là sơ, đầu tiên trước.

“Kiếp không thể nói hết”: Là sinh tử lâu dài không thể nói được về con số, nên kinh chỉ nói là “không thể nói hết”.

“Cho đến định Kim cang”: Định rốt sau của Bồ-tát là nói đích cuối cùng. Tuy người Nhị thừa đạt vị vô học mà cũng khởi Định này, bởi chưa đạt tới cứu cánh, nên lược bỏ không nói.

“Một Sát-na cuối cùng”: khi Bồ-tát Đăng Giác nương theo định Kim cang, đạo vô gián là sau cùng, trong khoảng giữa đó có bao nhiêu sinh diệt? Kinh Lăng già nói: “Bồ-tát Ma-ha-tát Đại Tuệ bạch Phật: Thế Tôn! Các Thức có mấy loại sinh, trụ, diệt? Phật bảo: Đại Tuệ! Các Thức có hai loại sinh trụ diệt, chẳng thể suy lường biết được, là Lưu chú sinh trụ diệt và Tướng sinh trụ diệt. Ngài Hải Đông giải thích: Lưu chú là Thức thứ tám, ba tướng vi ẩn, chủng, hiện không ngừng, gọi là lưu chú, do vô minh duyên, đầu tiên khởi nghiệp thức nên nói là sinh. Nối tiếp nhiều kiếp nên gọi là Trụ. đến Định Kim cang một niệm Đăng giác, chặt đứt vô minh căn bản, gọi là lưu chú diệt.

“Tướng sinh trụ diệt” là tâm cảnh thô hiển của bảy Thức còn lại, gọi là Tướng. Tuy thức thứ bảy duyên với thức thứ tám, nhưng so với

Thức thứ sáu thì vi tế. Có đủ cả bốn Hoặc nên cũng gọi là thô, dựa vào các cảnh của tự chủng hiện thức, duyên hòa hợp sinh ra bảy Thức gọi là Tướng sinh. Huân Tập Lâu đời lâu kiếp gọi là Tướng Trụ, từ ngọn trở về gốc, lần lần phục và đoạn đến Địa thứ bảy thì mãn gọi là Tướng diệt. Nướng theo sinh diệt trước mà lập ra chỗ dựa của Mê Ngộ. Nướng theo sinh diệt sau mà lập ra chỗ dựa nhiễm tịnh. Sau thì ngăn trước thì dài. Đoạn văn kinh trên tức là nằm trong tướng sinh trụ diệt thuộc sinh diệt trước.

Dưới đây là phần hai - Sắc tâm rộng lớn. Văn chia làm ba phần: Đây là phần một - Từ tâm sinh tâm.

Kinh: Có bất khả thuyết bất khả thuyết Thức.

Giải thích: “Bất khả thuyết Thức”: Đây có hai nghĩa. Có thuyết nói: bản thức từ một kỳ thọ mệnh kết sinh ban đầu cho đến Sát-na thức diệt cuối cùng, trong khoảng thời gian giữa hai điểm mốc đó, không Sát-na ngừng nghỉ. Sự sinh diệt của Thức thì không thể nói hết được, như trong khoảng từ cõi Hữu Đảnh đến vô gián từ đầu đến cuối còn không thể nói hết, huống nữa là trường kiếp mà có thể nói hết hay sao? Có thuyết: Nghiệp thức sau khi bắt đầu khởi đến trước khi đoạn dứt, trong khoảng giữa đó, vô thủy sinh diệt tạo nghiệp chịu quả sinh ra trong các cõi giới, theo tâm mà sinh tâm, các thức Nhiễm Tịnh, Sát-na tương tục đều không thể nói. Vì vậy mà kinh lặp lại hai lần “Bất khả thuyết” (không thể nói hết).

Tiếp theo là phần hai - Theo tâm sinh ra sắc.

Kinh: Sinh ra hai pháp sắc và tâm của các hữu tình.

Giải thích: “Sinh hai pháp” Sắc và tâm của các hữu tình: theo Luận Khởi Tín thì sau khi theo chuyển hưởng mà khởi hiện tướng, hiện cảnh mới có Sắc Trần, tức là sau khi chuyển Thức mới sinh Sắc. Điều này không phải vậy. Hiện thức, hiện cảnh là nhờ sáu thức trước, huân tập, đâu thể cho hiện cảnh liền theo tâm mà khởi. Chẳng lẽ các hình ảnh ở trong gương lại từ gương mà sinh ra hay sao? Như theo luận Duy Thức thì trong ba loại cảnh, đều như tính cảnh, khi huân tập sắc ở trong Tướng phần. Chủng nhờ tâm huân hiện từ Thức khởi, theo tâm sinh Sắc, có gì sai đâu? Điều đó cũng không đúng. Vì duyên lự và chất ngại hai cái khác nhau. Chủ thể huân tập duy trì chủng đều là tự loại sinh. Há cho huân tập duy trì, thể tức là sắc? Điều đó cũng không đúng. Huân và trì là do tâm, nên bảo là tâm sinh. Nếu không Sinh thì sao lại gọi là Duy Thức? Huống nữa, kinh Lăng già quyển ba nói: Đại chủng vọng tướng ầm ụt sinh ra thủy giới nội ngoại. Đại chủng vọng tướng năng

lượng sinh ra hỏa giới nội ngoại. Đại chủng vọng tướng lay động sinh ra phong giới nội ngoại. Đại Chủng vọng tướng chặt đứt Sắc sinh ra Địa giới trong ngoài. Kinh kia đã nói: Vọng tướng chủng sinh ra, thì đây nói tâm sinh Sắc, có sai lầm gì? Nếu chất ngại khác với tư lự, suy tư, thì chắc chắn là có thể riêng thì sao lại tu đoạn mà đắc được vô lậu. Lại nữa, Phật, Bồ-tát từ sợi lông có thể chứa cả biển lớn, hạt cải thâu nạp cả núi Tu di, sắc nếu chắc chắn là ngại thì sao lại không gây trở ngại? Chỉ vì đối vọng tình mà nói là ngại và tư lự khác nhau, nếu đắc được tự tại thì thật ra không có gì là khác nhau. Tướng của tâm ấy, từ tâm mà sinh, lấy Chánh lý của Thánh giáo làm định lượng.

Tiếp đến là phần ba - nghĩa của sắc tâm uẩn.

Kinh: Sắc gọi là Sắc uẩn. Tâm gọi là bốn uẩn, đều mang tính tích tụ, che giấu sự chơn thật.

Giải thích: Trong năm uẩn, uẩn đầu tiên là Sắc uẩn, bốn uẩn sau là tâm uẩn.

“Đều mang tính tích tụ”: Là nói ý nghĩa của uẩn.

“Che giấu chơn thật”: là nói về chướng ngại chơn thật.

Pháp giới thanh tịnh, Thể đó vắng lặng trong sáng, bị uẩn che đậy, nên không hiển hiện.

Tiếp sau là phần hai - Nói riêng về Sắc pháp. Trong đó chia làm bốn phần: 1. Sắc sinh sắc.

Kinh: Đại vương! Một sắc pháp đó, sinh vô lượng sắc.

Giải thích: Đây là nêu chung. Gọi là “Sắc” tức lấy chất ngại làm tính, một Sắc uẩn từ vô thủy đến nay thọ nhận nhiều thân ở các cõi giới, tự loại tương sinh nhau, sinh ra vô lượng.

Kế đến là phần hai - Nói sắc được tạo ra (sở tạo).

Kinh: Mắt nhận được là sắc, tai nhận được là tiếng, mũi nhận được là hương, lưỡi nhận được là vị, thân nhận được là xúc.

Giải thích: Nêu căn lấy trần, không nói về căn, về danh số tự loại năm trần có nhiều ít, như thường giải thích của Đại, Tiểu thừa giáo.

Sau đây là phần ba - Đại là chủ thể tạo.

Kinh: Cứng chắc gọi là đất, ẩm ướt gọi là nước, nóng ấm gọi là lửa, nhẹ động gọi là gió.

Giải thích: Ở trong xúc trần, có bốn đại xúc, “Cứng chắc ẩm ướt...”: Cứng, ướt, nóng, động là Thể riêng của chúng. Đất, nước, gió, lửa là liệt kê bốn tên gọi.

Tiếp sau là phần bốn - Nói về năm sắc căn.

Kinh: Sinh năm Thức xứ, gọi là năm sắc căn.

Giải thích: Tịnh sắc là Thể của năm sắc căn.

Tiếp sau là phần ba: Tổng kết về đối trị.

Kinh: Một sắc một tâm, cứ như vậy mà lần lượt sinh ra vô lượng sắc tâm, không thể diễn nói đều là như huyễn.

Giải thích: “Cứ như vậy mà lần lượt”: Nghĩa là từ vô thủy đến nay cứ nương theo một Sắc tâm mà sinh ra vô lượng sắc tâm không thể diễn nói. Đây là nói số nhiều, khiến sinh ra sự chán ghét, nếu không đối trị để dứt bỏ thì vĩnh viễn kiếp luân hồi.

“Đều là như huyễn”: là bảo quán sắc tâm như huyễn không thật.

Là các lỗi lầm, tức là đối trị.

Dưới đây là phần hai: Quán thọ giả, văn có ba phần: 1. Tổng nêu thọ giả; 2. Nói về hành tướng của Thọ; 3. Bày cách đối trị. Đây là phần một - Tổng nêu Thọ giả.

Kinh: Nay người thiện nam! Thọ của hữu tình, là nương theo thể tục mà lập.

Giải thích: Nói “hữu tình”: là lược bỏ phi tình.

Năm uẩn Thọ nhận, gọi chung là Thọ uẩn. Nếu nói riêng thì có sự lãnh nạp riêng, nên bảo đó là thọ. Thể của thọ là tâm Sở. Là Thọ ở trong biến hành. Pháp giả là năm uẩn. Thọ giả là Thọ uẩn, trước là nói chung, sau là nói riêng.

“Theo thể tục mà lập”: hai chữ thể tục sẽ giải thích sau. Câu này là nói về không thật.

Tiếp theo là phần hai: Hành tướng của thọ. Văn chia làm hai phần:

1. Tác nghiệp của Thọ.

Kinh: Hoặc có hoặc không, hễ sinh ra vọng tưởng nhớ nghĩ của hữu tình tạo nghiệp nhận quả, đều được gọi là Thế đế.

Giải thích: “Hoặc có hoặc không”: Là thứ Thọ đã lãnh nhận. Lãnh nạp đối với các pháp sắc tâm hiện tiền, nên bảo là “hoặc có”. DUYÊN với pháp thật ngã, với pháp không có ở quá khứ vị lai, không đối hiện tiền và pháp không có “thể”, nên bảo là “hoặc không”. Cảnh tuy muôn thứ khác nhau nhưng đều bao gồm ở trong Thế đế.

“Chỉ sinh ra vọng tưởng nhớ nghĩ của hữu tình”: Nói rõ thọ nhận là hư vọng, điên đảo, lãnh nạp các cảnh thuận, nghịch, có, không, hoặc không thuận nghịch mà lên nhiều loại vọng tưởng, nhiều loại nhớ nghĩ thuộc ba tính tùy theo ứng hợp. Tuy thể của tưởng và niệm chẳng phải là Thọ nhưng nhân ở Thọ, do thọ lãnh nạp tương ứng.

“Tác nghiệp chịu quả”: Tạo tác các nghiệp phúc, phi phúc, chẳng

động... Cho nên bảo là tác nghiệp, có thể chiêu cảm các quả báo thuận đời nay, thuận đời sau và báo bất định, nên bảo là thọ quả. Tuy thể của nghiệp và quả, suy lường, nhưng do những điều mà nó lãnh nhận nên gọi là thọ.

“Đều gọi là Thế đế”: Là nói chúng không thật.

Tiếp đến là phần hai - Chỗ dựa của Thọ.

Kinh: Ba cõi, sáu thú (nẻo), tất cả hữu tình Bà-la-môn, Sát-đế-lợi Tỳ-xá, Thủ-đà.

Giải thích: Nói “Ba cõi”: Là nơi nương tựa của thọ.

“Sáu thú là cõi sinh ra của thọ

“Tất cả hữu tình”: là người của chủ thể khởi thọ

“Bà-la-môn...”: là nói vọng phân biệt của thọ.

Bà-la-môn: Tiếng Hoa gọi là Tĩnh Chí. Sát-đế-lợi tiếng Hoa gọi là Vương-chủng. Tỳ-xá: là theo cách dịch cổ, nay dịch là Phệ-xá, tiếng Hoa gọi là Thương gia. Thủ-đà cũng thuận theo cách dịch cổ, nay dịch là Thú-đạt-la, tiếng Hoa gọi là làm nông. Thọ ở bốn đẳng cấp đó, sự lãnh nhận và hiểu biết hơn kém nhau, khiến tác nghiệp khác nhau, đều gọi là Thọ.

Sau đây là phần ba - Hiện bày đối trị vọng.

Kinh: Ngã nhân, tri kiến, sắc pháp, tâm pháp, như cảnh thấy trong mộng.

Giải thích: “Ngã, nhân, tri kiến”: là vọng đảo của thọ.

“Sắc pháp tâm pháp”: là chỗ nương của thọ. Thọ nương theo sắc tâm mà khởi, vì điên đảo Ngã pháp mà lãnh nạp và nhận hiểu nhiều loại pháp hư vọng.

“Như cảnh thấy trong mộng”: là nói chúng là không thật. Khi ở trong mộng thì cho là thật, tỉnh dậy rồi thì đều không có gì cả. Luận Duy thức nói; khi chưa đắc chơn giác, thường ở trong mộng. Chư Phật nói đó là “Đêm dài sinh tử”. Vì vậy mới biết tác nghiệp chiêu cảm quả, đi lại trong các cõi loài đều là như trong mộng, đều không thật. Nếu đắc được chơn giác sẽ tự hiểu rõ.

Tiếp theo là phần ba - Quán danh giả. Văn chia làm bốn phần. Đây là phần một - Nêu Danh là không thật.

Kinh: Này người thiện nam! Tất cả các danh đều là giả đặt ra.

Giải thích: “Tất cả”: Là pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp Thế, pháp xuất thế, nên bảo là tất cả.

“Các danh”: Danh là tiêu biểu, diễn bày. Tất cả các pháp tùy theo phương cõi mà có muôn tên gọi khác nhau, nên bảo là “các danh?”.

“Đều là giả bày ra”: Nói rõ chúng là không thật. Danh diễn bày cộng tướng của tự tánh các pháp, là duyên tăng trưởng của ý, không đặc thể pháp, nên bảo là giả. Như luận Duy Thức nói: Danh diễn bày tự tính. Ở đây sao lại nói là không đặc thể pháp? Ví như nói “lửa”, không là thiêu lửa. Nói “ăn” không là no. Nếu nó xứng với thể pháp thì người nghèo khổ nói là “nhiều” thì châu báu đầy kho.

“Giả đặt bày”: là nói rõ không thật.

Tiếp đến là phần hai - Vốn không có Danh.

Kinh: Trước khi Phật chưa xuất thế, Thế đế là pháp huyễn không có danh, không có nghĩa, cũng không có thể tướng, không có tên gọi ba cõi, không có tên gọi quả báo thiện ác của sáu nẻo.

Giải thích: “Pháp huyễn Thế đế”: vì Pháp là giả, Thọ là giả đều là như huyễn, tức không thật.

“Không danh không nghĩa”: Danh là chủ thể diễn bày, nghĩa là đối tượng được diễn bày, ngôn luận của thế tục, theo tình mà bày ra, không xứng với pháp cảnh. Vì những thứ đó đều không thật, nên bảo là “không”. Lại nữa, ngôn luận thế tục của các thế gian là hủy bỏ sự sai lầm của chúng, nên không có danh, nghĩa.

“Cũng không có thể tướng”: huyễn pháp hữu vi nhờ các nhân duyên nên không có tự thể tướng, giống với danh nghĩa trên nên bảo là “cũng không”.

“Không có ba cõi”: Nếu không nhờ Phật nói ra thì không biết sự trên dưới, lớn nhỏ của ba cõi.

“Quả báo thiện ác”: Tùy theo các nghiệp thiện, ác mà được quả báo hơn kém tốt xấu như thế nào.

“Tên của sáu cõi”: Thọ sinh khác nhau, ở trong sáu cõi đều không có tên gọi, đều không biết.

Sau đây là phần ba - Phật kiến lập.

Kinh: Chư Phật xuất hiện, vì hữu tình mà giảng nói về vô lượng tên gọi Ba cõi, sáu thú (nẻo), nhiễm tịnh.

Giải thích: Chư Phật Thế Tôn sở dĩ xuất hiện: là vì chư hữu tình, khiến cho xuất ly. Nên lập nhiều loại tên gọi, nói ba cõi là vì để chỉ bày sự hơn kém tốt xấu. Nói sáu thú là để chỉ bày chỗ sinh ra. Nói Nhiễm tịnh là chỉ bày làm cho đoạn dứt nhiễm tu tập, tịnh khiến vô lượng danh thuộc thế và xuất Thế.

Dưới đây là phần bốn - Đối trị tướng.

Kinh: Như vậy tất cả như âm vang của tiếng hô gọi.

Giải thích: “Như vậy tất cả”: Là tất cả những ngôn từ thuộc thế

và xuất thế gian.

“Như âm vang của tiếng hô gọi”: Là chính chỉ bày phép đối trị. Vì các ngôn luận của thế gian đều là không thật. Ngôn giáo xuất thế là tướng mà tu, đều là như âm vang.

Dưới đây là phần bốn - Tương tục giả. Văn chia làm ba phần. Đây là phần một - Nêu tương tục giả.

Kinh: Chư pháp tương tục, niệm niệm chẳng trụ.

Giải thích: “Các pháp tương tục”: Các uẩn khác nhau, gọi là các pháp sinh diệt đời trôi, nên bảo là tương tục. Như kinh Duy-ma nói: Sinh là tướng tương tục của pháp hư dối. Tử là tướng hủy hoại của pháp hư dối, tương tục với nhau.

“Niệm niệm chẳng trụ”: là chánh nêu rõ giả.

Tiếp theo là phần hai - Nói về nghĩa của tương tục.

Kinh: Sát-na, Sát-na, chẳng phải một chẳng phải thường, chóng khởi chóng diệt, phi đoạn phi thường.

Giải thích: “Sát-na Sát-na, chẳng phải một chẳng phải khác”: Nói lên pháp sinh diệt chẳng nhất định là một hay khác.

“Chóng khởi chóng diệt, chẳng phải đoạn chẳng phải thường”: là giải thích về pháp sinh diệt chẳng nhất định là đoạn hay thường, là một hay khác. Nếu chấp các uẩn thời quá khứ, vị lai là không có thì vì chóng khởi nên chẳng phải đoạn. Nếu chấp thể của các uẩn là thường thì vì chóng diệt, nên phi thường. Do vì phi thường nên chẳng phải nhất định là một. Do chẳng phải đoạn nên chẳng phải nhất định là, khác. Diệu lý thì lìa đảo đoạn thường, nhất dị. Đó gọi là quán sát tương tục giả.

Tiếp đến là phần ba - Kết - chỉ bày đối trị.

Kinh: Các pháp hữu vi như dợn nắng.

Giải thích: “Như lợn nắng”: Là chỉ về sự để nói. Nắng xuân phát sinh, khí động ở vùng hoang dã. Nếu cho là thật có thì càng chuyển đến gần càng không có. Nếu cho là không có nhưng lại có thể đối gạt kẻ khát nước, cho nên thể của pháp hữu vi là chẳng phải có, chẳng phải không, chỉ bày chúng không thật như là dợn nắng (dương diệm).

Tiếp sau là phần năm - Nêu Tương đãi giả. Trong đó chia làm hai phần: 1. Quán đãi giả; 2. Hình đãi giả.

Đây là phần một: Quán đãi giả.

Kinh: Các pháp tương đãi. Gọi là Sắc giới, nhãn giới, Nhãn Thức giới... cho đến pháp giới, ý giới, ý thức giới, giống như ánh chớp.

Giải thích: “Chư pháp tương đãi”: Đó là nêu chung. “Đãi” là nhờ, dựa. Nghĩa là: Uẩn, xứ, giới, các pháp hữu vi thiếu duyên thì không

khởi, luôn mượn nhờ nhau.

“Gọi là Sắc giới, nhân giới, nhân thức giới”: là nói hành tướng. Căn, cảnh, thức cả ba nếu bất đồng và thiếu một thì thức chắc chắn sẽ không sinh ra. Cảnh đang hiện tiền, căn đang phát khởi, thức đang hiểu cảnh, ắt phải nhờ nhau mới hiểu rõ.

“Giống như ánh chớp”: là kết luận nghĩa không lâu dài, vì giả, không thật ngay đó đã diệt, không có.

Tiếp theo là phần hai - Hình đái giả

Kinh: Bất định, tương đái, có không, nhất dị, như mặt trăng thứ hai.

Giải thích: “Bất định tương đái”: Đó là Sơ nêu. Hình của các pháp đối đái nhau, đẹp và xấu, cao và thấp, dài với ngắn... Sắc tâm hình đái đều là không thật.

“Có, không, một khác”: Có không tự nhiên có, vì đối với không nên Có. Không, không tự nhiên không, vì đối đái với có nên Không. Một và khác cũng vậy cùng nhau hình đái, không có một định thể chắc chắn. Lại nữa, mượn Hữu để hiện vô, đắc vô thì dứt bỏ hữu. Đái vô mà quán hữu, lập hữu thì mất vô, lần lượt qua lại đều không có Thể. Một và khác cũng vậy, cho nên kệ Mật Nghiêm nói: Thế gian vọng phân biệt, Thấy như con bò v.v... có sừng, không hiểu sừng không có. Nhân nói sừng thỏ không, Phân tách đến cực vi, Cầu sừng không thật có, phải đái với pháp có, mà khởi chấp Thấy không .

Hỏi: Có không đó là một pháp trước sau hay là hai pháp cùng một lúc đối đái với nhau?

Đáp: Có không đều thì cùng một lúc, đối đái chỉ là một pháp, như đem một tượng mà so với một tượng rưỡi thì một tượng kia có tướng ngắn, nhưng đem so với năm thước thì không có tướng ngắn mà có tướng dài. Thể của cả hai tướng ngắn và dài của một tượng kia đều không có. Trước và sau cùng một pháp; theo ví dụ trên thì rõ.

“Như mặt trăng thứ hai”: là phần kết, không có thể thật, do bị bệnh mắt, nên thấy mặt trăng thứ hai, cùng mở mắt cùng tiếp xúc với một mặt trăng, nhưng thấy một mà cho là hai, nếu mắt không bị bệnh thì không có hai. Do vì bị tâm bệnh nên vọng thấy có không đều, một và khác, đẹp xấu, dài ngắn...

Tiếp nữa là phần sáu - Duyên thành là giả.

Kinh: Chư pháp duyên thành, pháp uẩn xứ giới như bọt trên nước.

Giải thích: “Chư pháp duyên thành”: Là nêu về hữu vi, như hạt

lúa nảy mầm phải nhờ vào nước và đất...

Hỏi: Sao không nói là sinh mà nói là duyên thành?

Đáp: Nhân sinh và duyên thành là hai thứ khác nhau.

“Pháp uẩn xứ giới”: là hiển thị các pháp. Cả ba thứ này thâm nhiếp đủ tất cả hữu vi, chỉ nói riêng sắc tâm cũng đều có đủ trong đó, tuy xứ và giới cũng chung cho cả vô vi, nhưng chỉ lấy hữu vi là nhờ vào duyên mà thành. “Như bọt trên nước”: Bọt thì không có “thể” chân thật, từ duyên mà thành pháp, chẳng lẽ pháp đó lại thật sao?

Sau đây là phần bảy: Nhân thành là giả.

Kinh: Chư pháp nhân thành, tất cả hữu tình nhân quả cùng thời nhân quả khác thời, ba đời thiện ác, như mây bầu trời.

Giải thích: “Chư pháp nhân thành”: Hữu vi phải nhờ nhân mà sinh ra. Thành ở đây là sinh thành. Trước là tăng thượng, đây là nhân duyên, hai thứ đó khác nhau.

“Tất cả hữu tình”: Là biểu thị chúng sinh này có nhân, lược bỏ ngoài phi tình, không có nhân duyên. Cây cỏ v.v... tuy là từ chủng tử mà khởi lên, nhưng đó là tăng thượng duyên, chẳng phải là Nhân duyên.

“Nhân quả cùng thời”: Tất cả chủng tử thuộc ba tính hữu lậu, vạn hạnh vô lậu đều có đủ ở trong bản thức như hiện trong thân, cùng một Sát-na, từ chủng sinh hiện, hành hiện hành có thể huân tập chủng. Cả ba pháp xảy ra cùng một lúc, có hai nhân quả. Luận Duy Thức nói: Như bắc đèn sinh ra ngọn lửa, lửa sinh ra cháy bắc đèn, cả ba pháp lần lượt cùng một lúc thay nhau, hai nhân quả cùng thời.

“Nhân quả dị thời”: Là như chủng tử ở trong thức, trước và sau cùng đối chiếu nhau, hoặc trồng ở đời hiện tại, nhưng quả thì ở đời vị lai vì không cùng khởi nên gọi là dị thời.

“Thiện ác ba đời”: Nghiệp chủng, Thức chủng chỉ ở hiện tại, còn tác nghiệp chiêu cảm quả thì có ở cả ba đời.

“Như mây bầu trời”: là chỉ bày đối trị. Như bầu trời trong sáng, không thấy có đám mây nào, gặp đầy đủ duyên, kết thành dày đặc sấm mưa rào rạc. Chủng tử ở trong thức cũng vô hình vô tướng, gặp duyên giới địa thì khổ và lạc hiển hiện rõ ràng. Lại nữa, chủng tử của các uẩn có hay không có cũng như mây, uẩn theo chủng mà sinh, như mây cho nên là giả.

Tóm tắt bảy loại trên là: Quán thể và dụng của uẩn, quán về danh của thể dụng: sinh và diệt nhờ đối đãi. Hiện và nhân. Thật, thường đối trị, tên gọi của lãnh nạp, đoạn thường tự nhiên không, vô nhân.

Tiếp sau là phần hai: kết - Chỉ bày chánh quán. Văn chia làm ba

phần: Đây là phần một - Hạnh Bồ-tát.

Kinh: Nay người thiện nam! Bồ-tát Ma-ha-tát trụ không phân biệt, không tướng bỉ thử, không Tướng Tự Tha, thường hành hóa lợi, không tướng hóa lợi.

Giải thích: Nói về chánh quán.

“Trụ không phân biệt”: là định tuệ tương ứng với không phân biệt.

“không tướng bỉ thử”: do không phân biệt nên không có đây, kia.

“Không tướng tự tha”: do không có đây, kia, mình và người bình đẳng không có hai tướng.

“Thường hành hóa Lợi, không tướng hóa lợi”: Bồ-tát lợi vật là để thỏa tâm Bi của mình, tuy thường làm lợi cho người khác nhưng không trụ tướng.

Dưới đây là phần hai - Nêu hạnh ngu phu.

Kinh: Do đó nên biết, Ngu phu thức cấu, nhiễm chấp hư vọng, bị tướng trói buộc.

Giải thích: “Ngu phu”: Kinh xưa viết là Ngu si, phàm phu, còn gọi là tiểu nhi phàm phu. Nay kinh mới này lược bớt chỉ nói là Ngu phu. Ngu là vô trí.

“Thức cấu”: Vô thủy trần cấu vọng phân biệt nên gọi là Thức cấu.

“Nhiễm chấp hư vọng”: Là không thể quán sát uẩn, xứ, giới... như áo bị thấm ướt, bụi như dính vào, nên bảo là nhiễm vướng, không hiểu rõ về chơn thật, cho nên bảo là hư vọng.

“Bị tướng trói buộc”: là bị trói buộc do tướng của pháp hư vọng trói buộc. Như Luận Hiển dương quyển mười chín nói: Sợi dây tướng trói buộc chúng sanh cũng là do trói buộc thô trọng phải tu song song chỉ quán mới đắc câu giải thoát. Do không hiểu cảnh chỉ là tự tâm. kiến bị tướng câu thúc, cho nên bảo là tướng trói buộc.

Tiếp theo là phần ba - kết - chỉ bày chánh quán

Kinh: Bồ-tát chiếu kiến, biết như huyễn sĩ, không có thể tướng, chỉ như không hoa.

Giải thích: “Bồ-tát chiếu kiến...” Chư Bồ-tát trụ vô phân biệt, chiếu kiến hữu vi, đạt như huyễn sĩ, không có thể tướng.

“Chỉ như không hoa”: là nói về không có “Thể”. Mắt bị nhắm thì thấy hoa, không bị nhắm thì thấy không có hoa. Cùng một chỗ, cùng một thời mà thấy và không thấy khác nhau. Chiếu uẩn, xứ, giới, có, không cũng vậy.

Kế đến là phần ba - kết về chánh quán.

Kinh: Đó là Bồ-tát Ma-ha-tát, trụ lợi tự tha như thật quán sát.

Giải thích: Chư Bồ-tát có thể quán như trên là tu hai lợi, chánh quán sát.

Dưới đây là phần ba - Nghe pháp được ích.

Kinh: Khi thuyết giảng pháp ấy, trong hội, vô lượng đại chúng nhân Thiên có người đắc phục nhãn, Không, Vô sinh nhãn, Địa thứ nhất, Địa thứ hai cho đến Địa thứ mười. vô lượng Bồ-tát đắc Nhất Sinh bổ xứ.

Giải thích: Do nghe pháp mà mỗi vị đều được thăng tiến, như những vị ngoài kiếp thì đắc phục nhãn, là ngôi vị Ba Hiền.

“Không, vô sinh nhãn”: không là ba không và vô sinh nhãn, Sự chung và riêng của nhãn này như đã giải thích ở trên.

“Địa thứ nhất”: tức là Sơ Địa, cho đến thăng tiến tới Địa thứ mười.

“Nhất sinh bổ xứ”: Như Luận Du-già nói là Thân bổ xứ tôn quý nơi cõi Trời Tri Túc (Đâu Suất).
